

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST

Ngày: 17/04/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hoàng O

2/ Ông Nguyễn Tấn T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều T – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 04 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST- DS ngày 20 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị K, phường 5, quận C, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T theo giấy ủy quyền ngày 13/09/2022.

Địa chỉ liên hệ: 41-41B -41C đường K, phường T, quận K, thành phố C.

- Bị đơn: Ông Dương Minh M, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn S, huyện Trần Văn T, tỉnh C.

Địa chỉ liên hệ: 174/6A đường L, phường H, quận K, thành phố C.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1947

2/ Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1952

3/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984

4/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989

5/ Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1992

Cùng cư ngụ tại địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/06/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: bị đơn ông Dương Minh M có ký hợp đồng tín dụng số C ngày 11/04/2017 để vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay: 120 tháng, mục đích vay: tiêu dùng. Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn có ký hợp đồng thế chấp số: C ngày 11/04/2017. Việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thành phố C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 34.308.000đ gốc. Đến thời điểm hiện tại bị đơn còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 669.926.290đ (bao gồm: 365.692.000đ tiền gốc, 77.137.229đ lãi trong hạn, 181.366.079 lãi quá hạn, 45.730.981đ lãi phạt).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cả gốc và lãi còn nợ là: 669.926.290đ. Nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là phần đất thửa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 1.251m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C và phần đất thửa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 4.520m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C theo hợp đồng thế chấp số C ngày 11/04/2017 để thu hồi nợ. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ trên theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán xong cho nguyên đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho viện kiểm sát và đương sự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục tại phiên tòa.

- Về giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 365.692.000đ tiền gốc, 77.137.229đ lãi trong hạn, 181.366.079 lãi quá hạn, 45.730.981đ lãi phạt. Việc yêu cầu tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp. Tuy nhiên, đối với phần lãi phạt theo quy định tại nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi chậm trả đã chuyển thành lãi quá hạn trên nợ gốc nên không chấp nhận yêu cầu đối với phần lãi phạt của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền của nguyên đơn, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thanh toán đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền cả vốn và lãi còn nợ: 669.926.290đ. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Dương Minh M ghi địa chỉ: 174/6A đường L, phường H, quận K, thành phố C để giao kết hợp đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã được tòa

án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bị đơn ký hợp đồng tín dụng số C để vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: tiêu dùng. Để đảm bảo cho khoản vay bị đơn có thể chấp phần đất thừa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 1.251m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C và phần đất thừa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 4.520m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C. Việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thành phố C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 34.308.000đ gốc. Đến thời điểm hiện tại bị đơn còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 669.926.290đ (bao gồm: 365.692.000đ tiền gốc, 77.137.229đ lãi trong hạn, 181.366.079đ lãi quá hạn, 45.730.981đ lãi phạt).

Theo quy định tại điều 8 nghị quyết: 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/09/2019 nguyên đơn được yêu cầu tiền gốc và những khoản lãi bao gồm: lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi phạt với số tiền là 45.730.980đ (bốn mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng). Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 45.730.980đ nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền trên.

Tài sản thế chấp: thừa số 0, tờ bản đồ số 0, diện tích 1.251m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C và phần đất thừa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 4.520m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C theo hợp đồng thế chấp số: C ngày 11/04/2017 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thành phố C. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất thế chấp xác định: trên phần đất thế chấp có phần mộ được thể hiện trên bản trích đo địa chính số A ngày 12/01/2022 của trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C. Nếu bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn phù hợp và có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên khi thực hiện việc phát mãi tài sản thế chấp thì không phát mãi tài sản đối với phần mộ.

Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ trên theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán xong cho nguyên đơn. Yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định:

Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 45.730.980đ (bốn mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng) nên nguyên đơn phải chịu 2.200.000đ (hai triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí.

Bị đơn: phải chịu 28.900.000đ (hai mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí và 17.400.000đ (mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019;

- Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ/HĐTP ngày 05/05/2017

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Dương Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 624.195.309đ (sáu trăm hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ chín đồng). Nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Phần đất thửa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 1.251m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C và phần đất thửa số 1, tờ bản đồ số 0, diện tích 4.520m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố C theo hợp đồng thế chấp số: C ngày 11/04/2017 để thu hồi nợ. Không thực hiện việc phát mãi tài sản thế chấp đối với

phần mộ được thể hiện trên bản trích đo địa chính số a ngày 12/01/2022 của trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

Bị đơn còn phải chịu lãi theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C phải chịu 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cần trừ vào 11.049.000đ (mười một triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003975 ngày 07/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C. Nguyên đơn được nhận lại 8.849.000đ (tám triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí. Bị đơn: phải chịu 28.900.000đ (hai mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền án phí và 17.400.000đ (mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.K;
- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc B